

CẢM HỨNG BI KỊCH QUA HỒI ỨC CHIẾN TRANH TRONG SÁNG TÁC CỦA ĐỖ TIẾN THỤY

NGÔ THU THỦY *- HOÀNG THỊ HUỆ **

Tóm tắt: Đỗ Tiến Thuy là một trong những cây bút trẻ của nền văn học Việt Nam đương đại. Sáng tác của anh xoay quanh đề tài về những người nông dân, những người lính trở về từ thời chiến, mang theo hồi ức đau thương của chiến tranh. Tập trung khám phá những nỗi buồn, sự đau thương, mất mát, những góc khuất của con người qua hồi tưởng về chiến tranh, Đỗ Tiến Thuy đã lấy cảm hứng bi kịch làm nguồn cảm hứng chủ đạo cho cả ba tác phẩm: tập truyện ngắn *Vết thương thành thị*, tiểu thuyết *Màu rừng ruộng*, tiểu thuyết *Con chim Joong bay từ A đến Z*.

Từ khóa: Hồi ức, Đỗ Tiến Thuy, người nông dân, người lính, chiến tranh.

Abstract: Do Tien Thuy is one of the young writers of contemporary Vietnamese literature. His compositions revolve around the topic of farmers and soldiers returning from wartime, bringing with them painful memories of the war. Focusing on exploring the sadnesses, pains, losses and hidden corners of people through reminiscing about the war, Do Tien Thuy used the inspiration of tragedy as the main inspiration for his three works including the volume of short stories *Vết thương thành thị* (Urban wounds), and the two novels *Màu rừng ruộng* (Colors of forest and field) and *Con chim Joong bay từ A đến Z* (The bird Joong flies from A to Z).

Keywords: Memories, Do Tien Thuy, farmers, soldiers, war.

1. Đặt vấn đề

Cảm hứng bi kịch thể hiện sự vận động của cảm hứng sáng tác trong văn học Việt Nam sau 1975, nhất là từ sau 1986. Đó là trạng thái tình cảm đặc biệt mà âm hưởng chính của nó là nỗi buồn, sự đau đớn, xót xa,... trước những bi kịch của con người.

Là nhà văn trưởng thành trong quân ngũ, không khó để lý giải tại sao phần lớn các tác phẩm của Đỗ Tiến Thuy đều liên quan đến chiến tranh. Những trăn trở day dứt từ nhiều số phận bi kịch khác nhau trong sáng tác của Đỗ Tiến Thuy là lý do khiến văn chương của anh tạo nên những dấu ấn khác biệt trong lòng độc giả yêu văn học. Sự sáng tạo về cả nội dung và nghệ thuật là cách Đỗ Tiến Thuy định vị được tên tuổi của mình trên bản đồ văn học Việt Nam đương đại.

Những dòng hồi ức đau đớn của nhân vật về hậu quả của chiến tranh được trở đi trở lại trong các tác phẩm, thể hiện rõ nét cảm hứng bi kịch. Trong ba tác phẩm: *Vết thương thành thị*, *Màu rừng ruộng*, *Con*

* TS - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: thuynt.lol@tnue.edu.vn

** HVCH - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

chim Joong bay từ A đến Z, Đỗ Tiến Thụy đã dùng 14 đoạn hồi ức của nhân vật để tái hiện sự khốc liệt của chiến tranh. Điểm chung của các đoạn hồi ức là đều sử dụng từ ngữ gợi hiện thực chiến tranh với những đau thương, mất mát: *chết, xác, máu tuôn, toi tả,...* Hiện thực đó được thể hiện chủ yếu qua số phận của người nông dân và người lính thời chiến. Như vậy, thời gian quá khứ đã trở đi trở lại trong tác phẩm của Đỗ Tiến Thụy như một dấu ấn nhức nhối về chiến tranh, gợi cho người đọc sự xót xa, day dứt đến ám ảnh.

2. Cảm hứng bi kịch thông qua hồi ức về số phận của người nông dân trong chiến tranh

Trước khi trở thành nhà văn, Đỗ Tiến Thụy đã có khoảng thời gian hơn 20 năm công tác trong quân ngũ, vì vậy anh đã có điều kiện tìm hiểu về chiến tranh qua nhiều chiến trường, đặc biệt là chiến trường Tây Nguyên. Trong các sáng tác của Đỗ Tiến Thụy, hiện thực chiến tranh hiện lên với những nỗi đau đớn, bất hạnh, trước hết là nỗi đau của những người nông dân, nạn nhân trực tiếp của chiến tranh.

Tập truyện ngắn *Vết thương thành thị* có tất cả 8 truyện thì có 2 truyện đề cập tới chiến tranh. Truyện ngắn *Họ nhà Vòn* là hồi ức của ông Vòn về gia đình mình, về làng Bụa thời kỳ chống Mỹ. Truyện ngắn có 3 đoạn hồi ức của ông Vòn về sự tàn khốc của chiến tranh. Đó là những đoạn hồi ức gắn với giết chóc, hãm hiếp. Thanh niên làng Bụa của ông Vòn khi nghe tin quan Tây về thị sát lập đồn thì lập tức tổ chức ám sát quan Tây. Sự nóng vội ấy đã khiến dân làng phải trả giá. *Ngay sáng sớm hôm sau, một tiểu đoàn lính Âu Phi đen trũi, đằng đằng như cơn bão lôi đình tràn vào làng Bụa. Tiếng súng nổ ran trời... Đoàn...*

đoàng... đoàng!... Tiếng súng kèm theo tiếng rú kinh hoàng của dân làng trúng đạn... [10, tr.26]. Chúng vào nhà ông già Lân nghễnh ngãng, ông run rẩy trốn vào góc cửa, bọn chúng gọi ông không ra, thằng Tây lao vào xách tai ông lên và vung dao *Xoẹt! Ông ôm tai lăn lộn, máu vương vãi khắp nhà [10, tr.32].* Bọn Tây sau đó ép chết ông lý trưởng. Chúng vào nhà lão Vòn khi cả nhà lão đã kịp trốn. Chúng định bỏ đi nhưng vẫn kịp châm lửa đốt đồng rơm trước sân nhà - nơi lão Vòn đang vui mình lẫn trốn. Và chính lúc này bi kịch đã ập đến khi Muôn - vợ lão từ trong nhà hốt hoảng chạy ra dập lửa: *Tóc rối xõa tung, mặt mày lem luốc... khuôn mặt hồng lựng lên vì lửa. Bọn Tây đen chết lặng trước vẻ đẹp vừa hiền dịu của người đàn bà A - na - mót hồi lâu... [10, tr.28].* Cả một tiểu đội lính lê dương sau đó lao vào xâu xé Muôn. Trong sự đau đớn bất lực, Muôn cất lời cầu cứu chồng trong tác nghẹn... Căn bệnh do bọn lính viễn chinh để lại khiến Muôn ngày càng héo hon như tàu lá. Càng đau đớn hơn, lão Vòn giấu kín việc vợ mình bị Tây hãm hiếp, lão đổ cho Muôn đi trai gái rồi lây bệnh về... Thất vọng, uất hận, sau khi may mắn được một ông lang cứu sống, Muôn đã bỏ lại đôi dép trên bờ sông, giả chết rồi trốn đi theo cách mạng chăm sóc cho các thương binh. Muôn hi sinh trong một trận ném bom của giặc. Những bi kịch khác nhau trong *Họ nhà Vòn* chính là sự tố cáo chân thực nhất tội ác của kẻ thù. Chiến tranh khiến người người nông dân phải gánh đủ nỗi đau đớn cả về thể xác và tinh thần.

Già Nuk trong tiểu thuyết *Màu rừng ruộng* vừa là nhân chứng, vừa là nạn nhân của chiến tranh. Hồi ức đưa ông Nuk về năm ông năm mươi tuổi. Đúng vào đêm cầu nguyện, mười chiếc máy bay phản lực chở đầy bom đạn đã tấn công làng Sập - ngôi

làng mà bọn giặc cho rằng thuộc quyền kiểm soát của Việt cộng. *Những trái bom thi nhau lao xuống... những tấm thân ngã dúi vào nhau để rồi từng chùm, từng chùm ngã gục. Máu tuôn xối xả, lênh láng. Thịt xương bị băm vằm hàng ngàn hàng vạn mảnh bay mù mịt trong không trung* [9, tr.192]. Những người dân làng Sập vô tội còn chưa kịp hình dung chuyện gì đang xảy ra, chưa kịp ứng biến, chưa kịp trở tay thì đã trở thành những tấm bia sống dưới bom đạn kẻ thù. Riêng ông Nuk, đó là những đòn đau, ám ảnh mà một đời ông chẳng thể quên được. Chính vào ngày đó, ông mất đi đôi chân, mất đi vợ con: *Đang chạy, ông bỗng thấy mình nhẹ bẫng. Ông đổ vật xuống một đồng bầy nhầy... máu từ chân ông phun phè phè thành tia. Vợ ông bị mảnh bom chém vào ổ bụng tràn ruột ra ngoài, tim gan lòng ruột chảy thành một đồng bèo nhèo tanh rợn* [9, tr.193]. Các con ông đồng loạt bị đòn gục. Rồi cả làng Sập của ông Nuk chỉ còn lại 81 sinh linh yếu ớt vừa trải qua trận cuồng phong lấy bẫy bắt tay lập lại làng [9, tr.193]. Sau này, ông Nuk trở thành già làng cùng dân làng gầy dựng lại cuộc sống nhưng những ám ảnh về sự mất mát ấy chưa bao giờ nguôi ngoai trong lòng ông.

Thấm đẫm cảm hứng bi kịch nhưng văn chương Đỗ Tiến Thụy vẫn hướng người đọc tới cái đẹp, cái thiện. *Màu rừng ruộng là một nỗi buồn mênh mang, trên nền vẻ đẹp của ngôn ngữ văn chương, vẻ đẹp cảnh sắc, con người và cuộc sống... Đọc xong từng chương, người đọc sẽ thú vị khi nhận ra chất tài hoa của ngòi bút Đỗ Tiến Thụy. Anh đã làm thăng hoa cái hiện thực mà anh miêu tả, biến cái hiện thực tím rịm nỗi buồn, xám xịt những nỗi đắng cay phũ phàng; hiện thực trắng trợn xương rêu tàn lụi chết chóc thành cái đẹp văn chương.* [7]

Một trong những đóng góp nổi bật của Đỗ Tiến Thụy là nghệ thuật kể chuyện với sự đa dạng trong điểm nhìn và ngôi kể. Người đọc có thể bắt gặp người kể chuyện ngôi thứ nhất hoặc ngôi kể thứ ba và cũng có khi lời kể, ngôi kể ấy được đặt vào điểm nhìn của sự vật, con vật. Khẩu đại liên M134 trong tiểu thuyết *Con chim Joong bay từ A đến Z* là một trong những “nhân vật” đặc biệt mà Đỗ Tiến Thụy sử dụng để tái hiện chiến tranh. Qua ba đoạn hồi ức của khẩu súng đại liên, hiện thực về chiến tranh hiện lên vừa tàn khốc, vừa tang thương. Bi kịch ấy càng trở nên nhức nhối dưới lời tự thuật của khẩu đại liên khi nó được tiếp cận với người nông dân:

Đầu tiên tôi ăn những bà già đang ôm những cô gái. Thịt họ thơm thơm mùi trâu cau rất lạ.

Tiếp theo tôi ăn những ông già. Thịt họ được tẩm bằng thuốc rê khen khét, rất phê.

Tôi ăn những bầu vú của những bà mẹ vừa mới sinh con, nằm sữa ngậy mùi, rất thú.

Tôi ăn những đứa trẻ sơ sinh, rất mềm, rất ngọt.

Răng tôi xé toạc một chiếc bụng bầu, xuyên qua cái thai. Hài nhi có vị ngọt lạ lùng, rất bổ... [8, tr.245].

Nhà văn đã từng kể về việc tại sao lại lựa chọn nhân vật người kể chuyện là con chim Joong và khẩu M134: *Ý tưởng dùng con Joong làm nhân vật kể chuyện nảy sinh vào năm 2013 với mục đích kể chuyện với một góc nhìn từ trên cao, cần phải có một sinh thể ấm nóng, có khả năng cảm nhận! Thế là hình ảnh con Joong vụt về... Nhưng đến đoạn hồi tưởng về chiến tranh thì lại tắc... Cần phải có một nhân vật có thể thấu tóm được quá khứ chiến tranh một cách khách quan, trung thực nhất... Cần phải có*

một khẩu súng mang tính biểu tượng của giết chóc, tham gia nhiều cuộc chiến mới có thể tái hiện được quá khứ trận mạc của cả mấy thời kỳ... [2]. Hồi ức chiến tranh qua lời kể của khẩu đại liên là một sáng tạo đặc sắc của Đỗ Tiến Thụy, ghim vào lòng người đọc những ám ảnh, day dứt về chiến tranh.

Viết về chiến tranh, đa số tác phẩm sau năm 1975 thường tập trung đề cập tới số phận của người lính, những mất mát hi sinh trên chiến trường hoặc số phận của những con người trở về từ cuộc chiến. Không nhiều tác phẩm chú ý đến số phận của người nông dân trong vòng xoáy của chiến tranh. Và Đỗ Tiến Thụy là một trong số nhà văn làm nên sự khác biệt ấy. Đằng sau số phận bi thảm của người nông dân là tiếng nói chống chiến tranh, đồng thời cũng là sự đồng cảm, thương yêu của nhà văn dành cho người nông dân thời chiến. Cuộc sống của họ không chỉ gắn với nghèo túng, khổ cực mà còn phải gánh chịu những bất hạnh, mất mát không thể bù đắp.

3. Cảm hứng bi kịch thông qua hồi ức về số phận của người lính trên chiến trường

Trong sáng tác của Đỗ Tiến Thụy, đối tượng chịu sự chi phối khắc nghiệt của chiến tranh không chỉ là những người nông dân mà còn là những người lính, những người vừa là đối tượng vừa là nạn nhân của chiến tranh. Những nhân vật đó chiếm số lượng khá đông đảo trong các tác phẩm của anh.

Đã có khá nhiều tác phẩm phản ánh nỗi đau, thiếu thốn về vật chất trong sự khắc nghiệt của chiến tranh như *Nắng đồng bằng* (Chu Lai), *Ký sự miền đất lửa* (Nguyễn Sinh - Vũ Kỳ Lân), *Đất trắng* (Nguyễn Trọng Oánh), *Trong cơn gió lốc* (Khuất Quang Thụy), *Biển gọi* (Hồ Phương), *Ấn mây dĩ vãng* (Chu Lai), *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh),... nhưng bằng cách riêng của mình,

Đỗ Tiến Thụy đã mang lại những trang viết thực sự ấn tượng về hiện thực cùng cực, nghiệt ngã của chiến tranh.

Trong tiểu thuyết *Con chim Joong bay từ A đến Z*, Đỗ Tiến Thụy đã để cho một con chim Joong và một khẩu đại liên lên tiếng tự sự nhằm phản ánh những hiện thực khắc nghiệt và dữ dội của chiến tranh qua cái nhìn đa diện. Đó là lời kể của khẩu súng máy về những người lính chốt trong trận chiến tại biên giới Việt - Trung: *Tôi đã mới mòn mấy năm trời trong hang đá lạnh lẽo. Lính chốt quanh năm suốt tháng ăn cơm nắm, uống nước bình tông, mùa hè cũng như mùa đông không cần tắm rửa. Ghé lò hắc lò loang lổ. Đầu lính chốt bạc phơ hoa lau, không phải vì tuổi tác mà bởi chảy rịn để trũng lớp lớp tầng tầng. Họ không chăm sóc thân thể họ nhưng lại chăm chút tôi rất kỹ. Toàn thân tôi bóng loáng bởi dầu chống gỉ. Họ không đánh răng nhưng răng tôi được đánh hàng ngày, sạch bong, vàng chóae... [8, tr.306].* Những khó khăn ấy cũng được khắc họa rõ nét qua hồi tưởng của ông Khoa về những ngày tháng ông được bổ nhiệm chức Trung đoàn Trưởng. Trung đoàn của ông sau nhiệm vụ truy quét Fulro ở Tây Nguyên, truy kích Pol Pot trên đất nước chùa tháp thì về đóng quân tại Tây Nguyên. Thế rồi các chiến sĩ trong trung đoàn của ông liên tục chết không phải vì đánh trận mà là vì sốt rét: *Khoa thừa biết nguyên nhân chính dẫn đến những cái chết của lính. Đoàn quân mới tôi tả sau trận mạc mà khẩu phân ăn chỉ là cơm gạo mục độn sẵn và cá khô có giòi trong khi vẫn phải lao lực trên thao trường thì sức nào trụ nổi [8, tr.127].* Khó khăn, gian khổ ấy khiến Trung đoàn Trưởng Khoa đau đớn: *cả nước đói biết kêu ai bây giờ.* Trong cơn bi phần, Khoa biến những chú chuột chạy ra từ những bụi rậm gần đó thành bia sống

để xả con uất ức. Bảy con chuột bỏ mạng. Chẳng ngờ chiều đó, chiến sĩ hậu cần tên Chức lên đi theo thủ trưởng, Chức nhặt xác chuột về chế biến thành món “đạm chuột cao nguyên”. Biết việc làm của Chức, thủ trưởng Khoa cười òa và hứa sẽ cho cậu đi học sĩ quan hậu cần. Nhưng *lời hứa của thủ trưởng chưa thành hiện thực thì chàng cần vụ người Hà Nội ấy đã đổ. Sốt rét ác tính. Xuất huyết cầu tử. Mỗi ngày Chức đái ra mấy bô máu tươi đỏ sọng* [8, tr.129] rồi Chức chết.

Viết về những khó khăn, gian khổ, những thiếu thốn vật chất trong chiến tranh, Đỗ Tiến Thụy không có ý định sử dụng hoàn cảnh để làm tôn lên vẻ đẹp của những người lính cách mạng. Khám phá hiện thực trần trụi ấy, nhà văn không chỉ bày tỏ sự cảm thông thương xót với những người lính mà còn thể hiện cái nhìn có chiều sâu hơn về chiến tranh, về thời kỳ cả một thế hệ người Việt Nam đã vượt qua những khắc nghiệt của điều kiện sống để vươn tới những mục đích lớn lao của dân tộc.

Bi kịch thời chiến không chỉ bắt nguồn từ những khó khăn gian khổ mà còn xuất phát từ những mất mát hi sinh. Không ngại đề cập đến những chết chóc, thương vong, Đỗ Tiến Thụy thậm chí còn có cái nhìn chân thực đến phũ phàng khi nhắc đến cái chết, sự hi sinh. Đó là cái chết, là bi kịch của những cá nhân như Lợi trong truyện ngắn *Sang mùa*. Sau nhiều ngày mong mỏi bắt sống được tên giặc thứ năm để đủ điều kiện được nhận phần thưởng là chuyến về quê thăm người vợ trẻ mới cưới, cuối cùng Lợi cũng có cơ hội. Nhưng tiếc thay, cơ hội đó không những không giúp anh biến ước mơ thành hiện thực mà còn tước đoạt đi mạng sống của anh. Hình ảnh Lợi lúc hi sinh vô cùng thảm hại *trông như một con nhái bị quả mìn còc tiện cụt hai đùi, máu và khói đỏ đen lẫn lộn...* [10, tr.147]. Niềm vui

sướng khi bắt được tên tù binh thứ năm, với khát khao được phần thưởng là một chuyến nghỉ phép về thăm người vợ trẻ đã khiến Lợi quên đau đớn, quên cái chết đang cận kề. Những giây phút cuối đời, Lợi vẫn tưởng mình sẽ sống, cái miệng đầy máu tươi mấp máy van xin đồng đội *Đừng... giết... nó*, đừng giết tên giặc là thành quả của anh... Bị cuốn vào sự khốc liệt của chiến tranh, con người không chỉ không có hạnh phúc mà còn không thể nắm giữ được sinh mệnh của mình. Đau đớn và cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, không được báo trước, con người cũng không thể phòng bị. Chàng Bầm, bạn ông Khoa khi bị tra tấn đánh đập đến mất khả năng làm cha, để rồi đến ngày hòa bình, không còn phải tranh đấu nữa nhưng chàng cũng không có được niềm vui, hạnh phúc khi phải sống đơn độc một mình suốt đời, không vợ, không con. Đau buồn cho số phận, Bầm nghiện rượu và suýt chôn vùi cuộc đời mình nếu không may mắn được ông Khoa giúp đỡ. Bi kịch của Bầm trong tiểu thuyết *Con chim Joong bay từ A đến Z* phản ánh nét tương đồng với Quy trong tiểu thuyết *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân. Chiến tranh đã cướp đi tất cả những gì cần thiết nhất cho một đời sống bình thường của chị. Không chỉ bị tước mất khả năng làm vợ, làm mẹ mà sau chiến tranh, Quy vừa phải sống đơn độc một mình lại vừa day dứt với chính chiến công của mình, chị trăn trở muốn tìm lại nhà những tên ác ôn mình đã giết hơn mười năm trước, xúc động trước cuộc sống của người thân họ. Nghịch lý của chiến tranh tác động đến người lính cho đến cả thời hậu chiến.

Có thể nói, hòa chung dòng chảy văn học sau năm 1986, Đỗ Tiến Thụy đã mạnh dạn viết về những bi kịch của sự mất mát đau thương mà trong giai đoạn văn học trước đó hầu hết các nhà văn đều né tránh

hoặc nhắc đến nó bằng một cảm hứng khác, cảm hứng bi tráng, ngợi ca. Và bi kịch không chỉ đến với một người như Lợi, như anh chiến sĩ hậu cần tên Chúc chết vì sốt rét ác tính. Bi kịch còn đến với tập thể, đó là cả một tiểu đoàn, tiểu đội. Hồi ức của ông Bồn trong tiểu thuyết *Màu rừng ruộng* về trung đội đặc công của mình đã để lại ấn tượng sâu đậm cho người đọc. Trung đội đặc công của ông Bồn nhận lệnh tiếp cận, tập kích cứ điểm Sa Man của lính Mỹ nhưng thất bại *một trung đội hơn ba chục người chỉ còn mười hai người toi tả máu me* [9, tr.196]. Và chính ông Bồn cũng thừa nhận *Các người không trải qua chiến tranh nên các người không thể hiểu được đâu... Chết là đương nhiên. Chết hai, ba lần ấy chứ. Đã chết rồi lại phải bật nảy lên vì đạn vẫn không ngừng xĩa tới. Cho đến lúc, tất cả chỉ còn là những cái thây nát bấy, sũng dịch mới ngừng* [9, tr.197]. Điều đau đớn hơn với ông Bồn không chỉ là chứng kiến đồng đội hi sinh, mà còn là chứng kiến giặc phơi xác đồng đội ông ở căn cứ *nặng Tây Nguyên hun xác họ trương phình. Bảy ngày... tám ngày... thi thể họ đã bốc mùi và những tiếng nổ đau đớn, âm thầm phát ra từ những thi thể đồng đội phơi nắng phơi sương... Mỗi thi thể là một tiếng nổ... Những đồng đội của ông đang từ từ chuyển động. Những cái xác xếp xuống từ từ như người thao thức quá lâu, giờ mỗi một từ từ thiếp ngủ* [9, tr.199]. Có thể cảm nhận được mùi tử khí giăng mắc khắp không gian trong tiếng thở dài, đau đớn của ông Bồn và những người còn sống. Họ không cứu được đồng đội, họ phục kích để chuyển đồng đội ra ngoài cho khỏi đau lòng nhưng cũng đành bất lực.

Cách sử dụng hồi ức để viết về chiến tranh không còn mới lạ, đặc biệt là với

những sáng tác sau năm 1986. *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh cũng là một trong những tác phẩm tiêu biểu viết về chiến tranh, đặc biệt là những mất mát đau thương. Sự khốc liệt của chiến tranh được đề cập trong cái nhìn u ám và đau buồn. Bằng hồi ức của mình, Bảo Ninh đã đưa nhân vật trở về với những năm tháng quá khứ gian khổ mà hào hùng. Những năm tháng đó, ngoài niềm vui hân hoan chiến thắng còn biết bao đau đớn, xót xa: *Các đại đội đã tan tác đang cố co cụm lại bị đánh tan tác. Tất cả bị napan tróc khỏi quân sự, hóa cuồng, không lính không quan gì nữa rừng rừng lao chạy trong lưới lửa dày đặc, chết dúi ngã dúi vào biển lửa. Trên đầu trực thăng rà rập các ngọn cây và gần như thúc hòng đại liên vào gáy từng người một mà bắn. Máu tung xối, chảy tóe, ồ ồ ộc, nhoe nhoét... thân thể dập vờ tanh bành, phún phụt phì hơi nóng* [3, tr.367]. Ký ức về những trận đánh kinh hoàng đã trở thành nỗi ám ảnh khôn nguôi đối với tất cả những người tham chiến.

4. Kết luận

Chiến tranh đã kết thúc, những người viết về chiến tranh càng có cơ hội tìm tòi, khám phá, suy ngẫm về chiến tranh trên mọi bình diện. Người viết được tự do lựa chọn đề tài, chủ đề, viết về cái đúng, cái sai, cái anh hùng, hèn nhát, cao thượng, ... Lịch sử và độc giả nhiều thế hệ đòi hỏi người viết phải trung thực với lịch sử. Chúng ta biết rõ, dù là chiến tranh chính nghĩa cũng không thoát khỏi sự thật là máu lửa, tàn phá, chết chóc, hi sinh, ... Nhưng nếu chỉ nhìn vào hiện thực đó thôi mà không đi sâu vào khám phá cội nguồn, bản chất thì vẫn chưa thể có cái nhìn toàn diện được. Có thể nhận thấy, những sáng tác hay, có sức lắng đọng

lòng người là những sáng tác nghiêng về các vấn đề khiến con người lo lắng, những mặt bất ổn, những nỗi đau. Và không phải cứ viết về nỗi đau là bôi đen cuộc sống hay xuyên tạc chế độ. Đỗ Tiến Thụy thấu hiểu điều đó, bởi vậy viết về chiến tranh với ngòi bút chân thực đến ám ảnh, xót xa là anh đang dẫn dắt thế hệ trẻ hôm nay hướng về quá khứ để ghi nhớ, chiêm nghiệm, thành kính, biết ơn và cũng để rút ra những bài học nhân sinh quý giá.

Điều đặc biệt trong sáng tác Đỗ Tiến Thụy là hầu hết các tác phẩm của anh đều chứa đựng cảm hứng bi kịch. Những tấn bi kịch đó được Đỗ Tiến Thụy gửi gắm thông qua việc xây dựng những hồi ức về chiến tranh với mối quan tâm đặc biệt: số phận con người. Bằng cái nhìn đa diện, Đỗ Tiến Thụy góp thêm một tiếng nói mạnh mẽ, thuyết phục và đầy dư ba về chiến tranh. Với những hồi ức về nỗi buồn đau, mất mát, về số phận, tâm trạng con người trong và sau chiến tranh, nhà văn không phủ nhận quá khứ mà muốn đem lại cho người đọc cái nhìn khách quan, toàn diện về hiện thực chiến tranh, không nhằm mục đích làm lòng người nản chí mà hướng tới sự nhìn nhận hai chiều về lịch sử và khẳng định bản lĩnh, sức mạnh phi thường của con người trong chiến tranh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Xuân Thụy An, *Cảm hứng bi kịch trong văn xuôi Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986 - 1996)*, Luận văn thạc sĩ Văn học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2006.
- [2] Đào Tuấn Ảnh (thực hiện), “Chuyện trò với nhà văn Đỗ Tiến Thụy: Con chim Joong và khẩu M134 cùng kể chuyện”, <https://vanvn.vn/chuyen-tro-voi-nha-van-do-tien-thuy-con-chim-joong-va-khau-m134-cung-ke-chuyen/>, lên mạng ngày 26.11.2021.
- [3] Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
- [4] Vũ Thị Sen, *Thế giới nghệ thuật trong văn xuôi Đỗ Tiến Thụy*, Luận văn tốt nghiệp Đại học, Đại học Đà Nẵng, 2010.
- [5] Đoàn Minh Tâm, “Màu rừng ruộng - bước khởi đầu mới của Đỗ Tiến Thụy”, *Văn nghệ Quân đội* 666 (tháng 3), 2007.
- [6] Đoàn Minh Tâm, *Truyện ngắn các cây bút trẻ quân đội qua Nguyễn Thế Hùng, Đỗ Tiến Thụy, Nguyễn Đình Tú*, Luận văn thạc sĩ Lý luận văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- [7] Bùi Công Thuần, “Sắc màu nhân gian trong tiểu thuyết “Màu rừng ruộng””, <https://vnexpress.net/sac-mau-nhan-gian-trong-tieu-thuyet-mau-rung-ruong-1971186.html>, lên mạng ngày 24/5/2011.
- [8] Đỗ Tiến Thụy, *Con chim Joong bay từ A đến Z*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2017.
- [9] Đỗ Tiến Thụy, *Màu rừng ruộng*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2006.
- [10] Đỗ Tiến Thụy, *Vết thương thành thị*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2017.